

XÂY DỰNG NGUỒN LỰC KẾ TOÁN ĐÁP ỨNG YÊU CẦU NỀN KINH TẾ SỐ Ở VIỆT NAM HIỆN NAY

CAO THỊ PHƯƠNG THU
Trường Đại học Hải Dương

Nhận bài ngày 13/8/2026. Sửa chữa xong 13/9/2026. Duyệt đăng 19/9/2026.

Abstract

Rapid advances in science and technology, particularly artificial intelligence (AI), big data, cloud computing, the Internet of Things (IoT), and blockchain technology, are profoundly transforming the organization and operation of the economy. As Vietnam transitions toward a digital economy, accounting is shifting from traditional document processing, transaction recording, and information aggregation to data- and technology-driven practices. This transformation creates an urgent need for an accounting workforce with strong professional knowledge, technological competence, data analysis skills, and the ability to adapt to continuous change. This article proposes measures to develop an accounting workforce capable of meeting the demands of Vietnam's contemporary digital economy.

Keywords: Accounting, digital economy, solutions, Vietnam, workforce development.

1. Đặt vấn đề

Sự phát triển mạnh mẽ của khoa học, công nghệ và cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư đang thúc đẩy quá trình chuyển đổi từ nền kinh tế truyền thống sang nền kinh tế số. Tại Việt Nam, chuyển đổi số được xác định là một trong những động lực quan trọng nhằm nâng cao năng suất, hiệu quả và năng lực cạnh tranh của nền kinh tế. Quá trình này đang làm thay đổi sâu sắc phương thức tổ chức, quản trị và vận hành của doanh nghiệp, đồng thời đặt ra những yêu cầu mới đối với hoạt động kế toán và nguồn nhân lực kế toán. Sự phát triển của trí tuệ nhân tạo (AI), dữ liệu lớn (Big Data), điện toán đám mây, Blockchain và tự động hóa quy trình đang từng bước thay đổi cách thức thu thập, xử lý, lưu trữ và cung cấp thông tin kế toán. Nhiều công việc mang tính lặp lại như nhập liệu, đối chiếu chứng từ, phân loại giao dịch và tổng hợp số liệu có xu hướng được tự động hóa. Trong khi đó, yêu cầu đối với kế toán viên về phân tích dữ liệu, dự báo tài chính, quản trị rủi ro và hỗ trợ ra quyết định ngày càng gia tăng. Điều này đòi hỏi nguồn nhân lực kế toán không chỉ có kiến thức chuyên môn mà còn phải có năng lực số, tư duy phân tích, kỹ năng sử dụng công nghệ và khả năng thích ứng với sự thay đổi (Nguyễn Minh Tùng, 2025). Trong thực tế, nguồn nhân lực kế toán Việt Nam đã có những bước chuyển biến tích cực nhưng vẫn còn khoảng cách nhất định giữa năng lực hiện có và yêu cầu của nền kinh tế số.

2. Nội dung nghiên cứu

2.1. Về phát triển nguồn lực kế toán đáp ứng yêu cầu nền kinh tế số ở Việt Nam hiện nay

Quá trình chuyển đổi số tại Việt Nam đang tạo ra môi trường mới đối với hoạt động kế toán và đặt ra yêu cầu ngày càng cao về chất lượng nguồn nhân lực. Theo các chỉ tiêu phát triển kinh tế số được công bố trên Cổng thông tin của Bộ Khoa học và Công nghệ, tỷ trọng kinh tế số trong GDP của Việt Nam đã tăng đáng kể và mục tiêu quốc gia đặt ra là tiếp tục nâng tỷ trọng này lên mức 20% GDP vào năm 2025 và hướng tới tối thiểu 30% GDP vào năm 2030 (Vụ Pháp chế, Bộ Khoa học và Công nghệ, 2023). Quy mô ngày càng lớn của kinh tế số đồng nghĩa với việc các hoạt động sản xuất, thương mại, thanh toán và cung cấp dịch vụ được thực hiện ngày càng nhiều trên môi trường điện tử. Điều này trực tiếp làm

Email: caothiphuongthu@gmail.com

gia tăng khối lượng dữ liệu kinh tế - tài chính cần được thu thập, xử lý và kiểm soát, đồng thời chuyển dịch yêu cầu đối với kế toán từ thực hiện nghiệp vụ ghi chép truyền thống sang quản trị và khai thác dữ liệu phục vụ ra quyết định.

2.1.1. Quá trình số hóa hoạt động kế toán tại Việt Nam là sự phát triển nhanh chóng của hóa đơn điện tử và các dịch vụ thuế điện tử

Theo Tổng cục Thuế, tính từ thời điểm triển khai hóa đơn điện tử đến ngày 19/7/2024, cơ quan thuế đã tiếp nhận và xử lý ước khoảng 8,54 tỷ hóa đơn điện tử; đây là khối lượng dữ liệu rất lớn được hình thành và trao đổi trên môi trường số (Tổng cục Thuế, Bộ Tài chính, 2024). Việc phổ cập hóa đơn điện tử không chỉ làm thay đổi phương thức lập, gửi, nhận và lưu trữ chứng từ mà còn thay đổi đáng kể công việc của kế toán doanh nghiệp. Nếu trước đây kế toán dành nhiều thời gian cho việc kiểm tra chứng từ giấy, nhập liệu và lưu trữ hồ sơ thì trong môi trường điện tử, trọng tâm chuyển sang kiểm tra tính hợp lệ của dữ liệu, đối chiếu thông tin giữa các hệ thống, kiểm soát sai lệch và xử lý các giao dịch có dấu hiệu bất thường. Sự thay đổi này tiếp tục được thể hiện thông qua những điều chỉnh chính sách gần đây. Năm 2025, Nghị định số 70/2025/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số quy định về hóa đơn, chứng từ đã tiếp tục mở rộng và điều chỉnh các yêu cầu liên quan đến hóa đơn điện tử; đồng thời hệ thống quản lý thuế ngày càng dựa nhiều hơn vào dữ liệu điện tử (Chính phủ, 2025). Đối với nguồn nhân lực kế toán, điều này cho thấy yêu cầu nghề nghiệp không còn dừng ở việc nắm vững chế độ kế toán và thuế mà còn phải hiểu được quy trình vận hành của hệ thống dữ liệu, khả năng kết nối giữa hệ thống kế toán của doanh nghiệp với cơ quan thuế và các nền tảng số khác. Đặc biệt, khi cơ quan quản lý chuyển mạnh sang quản lý dựa trên dữ liệu, kế toán trở thành một trong những vị trí quan trọng bảo đảm chất lượng dữ liệu đầu vào của doanh nghiệp.

2.1.2. Hoạt động kế toán tại nhiều doanh nghiệp Việt Nam đang chuyển dần sang sử dụng các nền tảng phần mềm tích hợp, điện toán đám mây và hệ thống quản trị doanh nghiệp

Ở các doanh nghiệp có quy mô lớn, kế toán ngày càng gắn với hệ thống ERP, quản trị chuỗi cung ứng, ngân hàng điện tử và các nền tảng quản trị dữ liệu. Điều này tạo ra sự thay đổi về cơ cấu kỹ năng của người làm kế toán. Kế toán viên cần có khả năng làm việc với dữ liệu từ nhiều nguồn, hiểu được mối liên hệ giữa dữ liệu kế toán với dữ liệu bán hàng, mua hàng, kho, nhân sự và tài chính. Nói cách khác, nguồn lực kế toán đang chuyển từ mô hình “người xử lý sổ sách” sang mô hình “người quản trị và phân tích thông tin”. Đây cũng là xu hướng phù hợp với yêu cầu của nền kinh tế số, trong đó dữ liệu được xem là một nguồn lực quan trọng đối với hoạt động quản trị doanh nghiệp.

2.1.3. Nhận thức của các tổ chức nghề nghiệp kế toán, kiểm toán về tác động của AI và công nghệ số đối với nghề nghiệp

Hiệp hội Kế toán và Kiểm toán Việt Nam (VAA) hiện đã có các hoạt động nghiên cứu, đào tạo và trao đổi chuyên môn liên quan trực tiếp đến AI, chuyển đổi số và tương lai nghề kế toán. Trong năm 2026, VAA đã đăng tải các nghiên cứu về việc AI thực hiện công việc kế toán, ứng dụng AI trong kiểm toán tại Việt Nam và tổ chức nhiều chương trình đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ cho người hành nghề. Điều này cho thấy chuyển đổi số đã không còn là vấn đề mang tính dự báo mà đã trở thành yêu cầu thực tế đối với hoạt động nghề nghiệp. Đặc biệt, việc AI có thể hỗ trợ thực hiện một số công việc kế toán đặt ra yêu cầu phải xác định lại vai trò của kế toán viên, chuyển trọng tâm từ các công việc có tính lặp lại sang các hoạt động đòi hỏi phán đoán chuyên môn, phân tích và tư vấn. Về quy mô nguồn nhân lực chuyên môn, thị trường kế toán - kiểm toán Việt Nam tiếp tục được bổ sung thông qua hệ thống đào tạo đại học, đào tạo nghề nghiệp và các chương trình chứng chỉ chuyên môn. Tuy nhiên, điểm đáng lưu ý hiện nay không còn đơn thuần là số lượng người được đào tạo mà là mức độ phù hợp giữa năng lực được đào tạo với yêu cầu của môi trường số. Nguồn nhân lực kế toán hiện nay nhìn chung có nền tảng khá tốt về nguyên lý kế toán, chế độ kế toán, thuế và lập báo cáo tài chính nhưng năng lực phân tích dữ liệu, sử dụng công cụ AI, tự động hóa quy trình, trực quan hóa dữ liệu và quản trị rủi ro công nghệ chưa đồng đều. Việc VAA tiếp tục triển khai nhiều chương trình đào tạo và bồi dưỡng chuyên sâu, trong đó có đào tạo về IFRS, kế toán - thuế, kiểm toán nội bộ và các chủ đề liên quan đến công nghệ,

cho thấy nhu cầu cập nhật và nâng cao năng lực nghề nghiệp đang gia tăng. Đáng chú ý, VAA cho biết trong tháng 7/2026 có thêm 624 kiểm toán viên và kế toán viên có chứng chỉ tại Việt Nam, phản ánh quá trình tiếp tục chuyên nghiệp hóa nguồn nhân lực trong lĩnh vực này.

Tuy nhiên, thực trạng nguồn lực kế toán cũng cho thấy sự tồn tại của khoảng cách giữa năng lực kế toán truyền thống và năng lực kế toán số: 1) Một bộ phận kế toán viên vẫn chủ yếu thực hiện các công việc nhập liệu, kiểm tra chứng từ, đối chiếu và lập báo cáo định kỳ, trong khi chưa tham gia sâu vào phân tích dữ liệu và tư vấn quản trị. Trong bối cảnh công nghệ ngày càng có khả năng tự động hóa những công việc có tính lặp lại, việc duy trì mô hình năng lực này có thể làm giảm giá trị gia tăng của nghề kế toán. Báo cáo *Future of Jobs 2025* của World Economic Forum cho thấy AI và xử lý thông tin là nhóm công nghệ được doanh nghiệp đánh giá có khả năng tạo ra tác động rất lớn đến thị trường lao động, với 86% doanh nghiệp được khảo sát dự kiến AI và công nghệ xử lý thông tin sẽ làm thay đổi hoạt động của họ vào năm 2030; đồng thời robot và tự động hóa được 58% doanh nghiệp đánh giá là yếu tố chuyển đổi quan trọng (World Economic Forum, 2025a); 2) Tình trạng thiếu hụt kỹ năng số không chỉ tồn tại ở Việt Nam mà đang là thách thức trên phạm vi toàn cầu. World Economic Forum (2025b) nhận định doanh nghiệp đang có nhu cầu rất lớn về năng lực dữ liệu và kỹ năng số nhưng bốn trong năm tổ chức được khảo sát đang gặp tình trạng thiếu lao động có kỹ năng phù hợp. Đối với kế toán Việt Nam, điều này cho thấy việc phát triển nguồn nhân lực cần được chuyển từ tư duy đào tạo một lần trước khi gia nhập thị trường lao động sang mô hình học tập và cập nhật kỹ năng liên tục. Kế toán viên cần được trang bị khả năng sử dụng dữ liệu và công nghệ mới trong suốt quá trình hành nghề, bởi vòng đời của công nghệ ngày càng ngắn và yêu cầu kỹ năng thay đổi nhanh chóng.

2.2. Những vấn đề đặt ra đối với phát triển nguồn lực kế toán trong nền kinh tế số

2.2.1. Khoảng cách giữa năng lực chuyên môn truyền thống và năng lực số của người làm kế toán

Trong môi trường số, kiến thức về nguyên lý kế toán, chuẩn mực, chế độ kế toán và pháp luật vẫn là nền tảng nhưng không còn đủ để đáp ứng yêu cầu nghề nghiệp. Kế toán viên ngày càng phải làm việc với dữ liệu điện tử có khối lượng lớn, các hệ thống phần mềm tích hợp và những công cụ phân tích hiện đại. Do đó, nếu nguồn nhân lực chỉ được trang bị kỹ năng ghi nhận, tổng hợp và lập báo cáo mà thiếu năng lực khai thác dữ liệu, sử dụng công nghệ và phân tích thông tin thì khó có thể đáp ứng yêu cầu của doanh nghiệp số.

2.2.2. Sự thay đổi vai trò của kế toán dưới tác động của tự động hóa và trí tuệ nhân tạo

Các công việc có tính chất lặp lại như nhập liệu, đối chiếu, phân loại giao dịch và tổng hợp thông tin đang ngày càng có khả năng được phần mềm và AI hỗ trợ hoặc tự động hóa. Điều này không có nghĩa nghề kế toán sẽ bị thay thế mà làm thay đổi cơ cấu công việc và giá trị của người làm kế toán. Những vị trí chỉ tập trung vào xử lý nghiệp vụ có nguy cơ giảm dần giá trị gia tăng, trong khi nhu cầu đối với kế toán viên có khả năng phân tích, dự báo, đánh giá rủi ro và tư vấn quản trị sẽ tăng lên. Vì vậy, thách thức đặt ra là phải chuyển đổi tư duy nghề nghiệp từ “thực hiện nghiệp vụ kế toán” sang “tạo lập và phân tích thông tin phục vụ quyết định”.

2.2.3. Sự chưa đồng bộ giữa đào tạo kế toán và yêu cầu thực tế của nền kinh tế số

Chương trình đào tạo kế toán hiện nay vẫn cần bảo đảm nền tảng chuyên môn nhưng đồng thời phải cập nhật nhanh các nội dung về phân tích dữ liệu, AI, hệ thống thông tin kế toán, điện toán đám mây, tự động hóa và an ninh mạng. Nếu chương trình đào tạo thiên quá nhiều về lý thuyết và các nghiệp vụ truyền thống, SV tốt nghiệp có thể gặp khó khăn khi tiếp cận môi trường doanh nghiệp số. Ngược lại, việc bổ sung công nghệ nhưng làm suy giảm nền tảng chuyên môn kế toán cũng có thể dẫn đến tình trạng người học biết sử dụng công cụ nhưng thiếu khả năng đánh giá bản chất kinh tế của thông tin.

2.2.4. Yêu cầu đào tạo lại và học tập suốt đời đối với đội ngũ kế toán đang hành nghề

Khác với mô hình đào tạo truyền thống, trong nền kinh tế số, kiến thức và công nghệ có thể nhanh chóng thay đổi. Những kỹ năng được xem là hiện đại ở thời điểm hiện tại có thể trở nên phổ biến hoặc lạc hậu chỉ sau một thời gian ngắn. Vì vậy, việc chỉ dựa vào kiến thức được đào tạo trước khi gia nhập

thị trường lao động là không đủ. Người làm kế toán cần thường xuyên cập nhật pháp luật, chuẩn mực nghề nghiệp, phần mềm, công cụ phân tích dữ liệu và các ứng dụng AI. Điều này đặt ra yêu cầu đối với doanh nghiệp và các tổ chức nghề nghiệp phải xây dựng hệ thống đào tạo thường xuyên, linh hoạt và thực tiễn hơn.

2.2.5. Bảo mật dữ liệu và kiểm soát rủi ro trong môi trường kế toán số

Khi chúng từ, sổ sách và báo cáo được số hóa, dữ liệu kế toán có thể được kết nối với nhiều hệ thống khác nhau trong và ngoài doanh nghiệp. Điều này giúp nâng cao hiệu quả xử lý nhưng đồng thời làm gia tăng nguy cơ rò rỉ thông tin, truy cập trái phép, sửa đổi dữ liệu hoặc gian lận trên môi trường điện tử. Kế toán viên vì vậy không chỉ cần biết cách sử dụng phần mềm mà còn phải hiểu các nguyên tắc kiểm soát nội bộ, phân quyền truy cập, bảo mật dữ liệu và quản trị rủi ro công nghệ.

2.3. Giải pháp phát triển nguồn lực kế toán đáp ứng yêu cầu nền kinh tế số ở Việt Nam

2.3.1. Đổi mới chương trình và phương thức đào tạo kế toán theo hướng tích hợp kế toán - công nghệ - dữ liệu

Trong điều kiện công nghệ đang làm thay đổi nhanh chóng nội dung và phương thức thực hiện công việc kế toán, chương trình đào tạo không thể chỉ tập trung vào nguyên lý kế toán, chuẩn mực, chế độ kế toán, thuế và lập báo cáo tài chính mà cần tích hợp kiến thức về hệ thống thông tin kế toán, phân tích dữ liệu, AI, điện toán đám mây, tự động hóa quy trình và an toàn thông tin. Hiệp hội Kế toán và Kiểm toán Việt Nam cho rằng chuyển đổi số đang làm thay đổi phương thức tổ chức thông tin, quy trình kế toán, kiểm toán và cả văn hóa nghề nghiệp; do đó, nguồn nhân lực phải được chuẩn bị để thích ứng với mô hình kế toán số.

Định hướng này càng trở nên cấp thiết khi yêu cầu về kỹ năng của thị trường lao động đang thay đổi nhanh. Báo cáo *Future of Jobs 2025* của World Economic Forum (2025c) dựa trên khảo sát hơn 1.000 doanh nghiệp sử dụng trên 14 triệu lao động tại 55 nền kinh tế, cho thấy khoảng 39% kỹ năng cốt lõi của người lao động dự kiến sẽ thay đổi vào năm 2030. AI và Big Data được xác định là nhóm kỹ năng có tốc độ tăng nhu cầu nhanh nhất, tiếp theo là mạng máy tính, an ninh mạng và năng lực sử dụng công nghệ. Đối với ngành Kế toán, điều này cho thấy việc đào tạo SV chỉ đủ khả năng thực hiện nghiệp vụ hiện tại là chưa phù hợp; chương trình cần hướng tới năng lực thích ứng với những công việc chưa hoàn toàn hình thành ở thời điểm đào tạo. Theo đó, các cơ sở đào tạo cần xây dựng chương trình theo mô hình “hai lớp năng lực”: lớp thứ nhất là nền tảng kế toán - tài chính vững chắc; lớp thứ hai là năng lực số gồm dữ liệu, công nghệ, AI và tư duy phân tích.

Bên cạnh nội dung, phương pháp đào tạo cũng cần thay đổi. Các trường đại học cần tăng tỷ trọng học tập dựa trên tình huống, dự án và dữ liệu thực tế; tổ chức cho SV thực hành trên phần mềm kế toán, ERP, công cụ phân tích dữ liệu và nền tảng điện toán đám mây. SV có thể được giao các bài toán như xây dựng dashboard tài chính, phát hiện giao dịch bất thường, phân tích dòng tiền, dự báo doanh thu hoặc sử dụng AI để hỗ trợ xử lý dữ liệu nhưng phải kiểm tra và đánh giá kết quả.

2.3.2. Xây dựng chương trình đào tạo lại, đào tạo nâng cao và học tập suốt đời cho kế toán viên

Đổi mới đào tạo ban đầu là cần thiết nhưng chưa đủ. Do công nghệ thay đổi nhanh, một bộ phận lớn nguồn nhân lực kế toán hiện nay đã được đào tạo trong giai đoạn mà AI, Big Data, điện toán đám mây hay tự động hóa chưa phổ biến. Vì vậy, cần chuyển mạnh sang mô hình đào tạo lại (reskilling) và đào tạo nâng cao (upskilling) đối với đội ngũ kế toán đang hành nghề.

Sự cần thiết của học tập suốt đời được thể hiện rõ trong nghiên cứu của World Economic Forum. Báo cáo *Future of Jobs 2025* cho thấy các doanh nghiệp ngày càng coi nâng cao và chuyển đổi kỹ năng là giải pháp quan trọng để thích ứng với sự thay đổi công nghệ; đồng thời, các kỹ năng về AI, Big Data và công nghệ đang tăng nhanh về mức độ quan trọng. Đối với kế toán Việt Nam, các chương trình đào tạo ngắn hạn cần được thiết kế theo từng cấp độ. Kế toán viên cơ bản cần được đào tạo về phần mềm, hóa đơn điện tử, dữ liệu và bảo mật; kế toán trưởng và cán bộ quản lý cần bổ sung năng lực phân tích, quản trị dữ liệu, quản trị rủi ro và ứng dụng AI; còn đội ngũ chuyên gia cần được phát triển năng lực thiết kế hệ thống, phân tích dữ liệu nâng cao và tư vấn chuyển đổi số. Thực tế hoạt động của VAA thời

gian gần đây cũng cho thấy nhu cầu đào tạo và cập nhật nghề nghiệp vẫn rất lớn. Hiệp hội đã tổ chức nhiều chương trình đào tạo, tập huấn liên quan đến chế độ kế toán mới, thuế, chuẩn mực và những vấn đề mới của nghề nghiệp; đồng thời các nghiên cứu năm 2026 của VAA đã trực tiếp đề cập đến việc AI thực hiện công việc kế toán và ứng dụng AI trong kiểm toán tại Việt Nam. Vì vậy, cần xây dựng hệ thống đào tạo nghề nghiệp linh hoạt hơn, kết hợp giữa trực tiếp và trực tuyến, cho phép kế toán viên học theo mô-đun và tích lũy chứng nhận năng lực.

2.3.3. Xây dựng và chuẩn hóa khung năng lực kế toán số

Hiện nay, năng lực của kế toán thường được nhìn nhận chủ yếu thông qua bằng cấp chuyên môn, kinh nghiệm và chứng chỉ nghề nghiệp. Tuy nhiên, trong môi trường số, cùng một trình độ chuyên môn kế toán nhưng khả năng sử dụng dữ liệu, phần mềm, AI và hệ thống thông tin của từng cá nhân có thể rất khác nhau. Cho nên, cần bổ sung nhóm tiêu chí đánh giá năng lực số một cách chính thức. Khung năng lực có thể được cấu trúc thành 5 nhóm chính: năng lực chuyên môn kế toán - tài chính; năng lực công nghệ và hệ thống thông tin; năng lực dữ liệu và phân tích; năng lực quản trị rủi ro và bảo mật; năng lực giao tiếp, tư duy phản biện và đạo đức nghề nghiệp. Trong đó, năng lực dữ liệu cần được coi là một năng lực cốt lõi. Kế toán viên không nhất thiết phải trở thành chuyên gia lập trình, nhưng phải có khả năng hiểu cấu trúc dữ liệu, kiểm tra chất lượng dữ liệu, khai thác dữ liệu và diễn giải kết quả phân tích.

Việc chuẩn hóa khung năng lực cũng cần phân theo cấp độ nghề nghiệp. Kế toán viên mới vào nghề cần đạt năng lực số cơ bản; kế toán viên có kinh nghiệm cần đạt năng lực phân tích và kiểm soát hệ thống; kế toán trưởng và nhà quản trị tài chính cần có khả năng quản trị dữ liệu và ra quyết định dựa trên dữ liệu. Cách tiếp cận này giúp tránh tình trạng đào tạo công nghệ theo kiểu đại trà nhưng không gắn với vị trí việc làm. Đồng thời, khung năng lực sẽ giúp doanh nghiệp xác định rõ khoảng cách năng lực của từng nhân viên để xây dựng chương trình đào tạo phù hợp.

2.3.4. Tăng cường ứng dụng AI, tự động hóa và phân tích dữ liệu trong hoạt động kế toán

Việc phát triển nguồn lực kế toán cần gắn trực tiếp với quá trình ứng dụng công nghệ tại doanh nghiệp. Không nên xem AI và tự động hóa chỉ là công cụ thay thế người lao động mà cần xem đây là phương tiện giúp kế toán viên chuyển dịch sang những công việc có giá trị gia tăng cao hơn. Các nghiệp vụ có tính lặp lại như nhập liệu, đối chiếu, phân loại chứng từ, kiểm tra quy tắc và tổng hợp dữ liệu có thể được tự động hóa ở mức ngày càng cao. Khi đó, kế toán viên có điều kiện tập trung vào phân tích, dự báo, kiểm soát và tư vấn. Xu hướng này được phản ánh rõ trong *Future of Jobs 2025*. Có tới 86% doanh nghiệp được khảo sát dự kiến AI và công nghệ xử lý thông tin sẽ làm thay đổi hoạt động của doanh nghiệp trước năm 2030; riêng lĩnh vực dịch vụ tài chính, tỷ lệ này lên tới 97%. Mặc dù số liệu trên mang tính toàn cầu và không thể đồng nhất với Việt Nam, nó cho thấy mức độ tác động rất lớn của AI đối với những ngành sử dụng nhiều dữ liệu như tài chính - kế toán (World Economic Forum, 2025b). VAA cũng nhận định AI và các công nghệ dữ liệu lớn, học máy đang mở ra khả năng tự động hóa nhiều quy trình nghiệp vụ kế toán, kiểm toán, đồng thời nâng cao khả năng xử lý và phân tích thông tin tài chính. Do đó, doanh nghiệp cần xây dựng lộ trình ứng dụng AI có kiểm soát. Trước hết, cần xác định những quy trình có thể tự động hóa, sau đó chuẩn hóa dữ liệu và thiết lập cơ chế kiểm soát trước khi triển khai AI. Kế toán viên phải được đào tạo về cách đặt yêu cầu cho công cụ AI, kiểm tra kết quả, nhận diện thông tin sai lệch và bảo vệ dữ liệu. Đặc biệt, không nên để AI tự động đưa ra các quyết định kế toán quan trọng mà không có sự kiểm tra của con người. Mô hình phù hợp là “AI hỗ trợ - con người kiểm soát - kế toán chịu trách nhiệm”.

2.3.5. Tăng cường liên kết giữa cơ sở đào tạo, doanh nghiệp và tổ chức nghề nghiệp

Khoảng cách giữa kiến thức được đào tạo và yêu cầu thực tế của doanh nghiệp là một trong những nguyên nhân làm hạn chế chất lượng nguồn nhân lực kế toán số. Vì vậy, cần xây dựng mô hình hợp tác ba bên giữa trường đại học - doanh nghiệp - tổ chức nghề nghiệp. Trong đó, doanh nghiệp cần tham gia sâu hơn vào xây dựng chương trình đào tạo, cung cấp dữ liệu và tình huống thực tế, tiếp nhận SV thực tập và phản hồi về chất lượng SV tốt nghiệp. Các trường đại học có thể phối hợp với doanh nghiệp xây dựng phòng thực hành kế toán số, trong đó SV được tiếp cận các hệ thống ERP, phần mềm kế toán, công cụ BI và dữ liệu mô phỏng. Tổ chức nghề nghiệp có thể tham gia xây dựng chuẩn năng lực,

chương trình chứng chỉ và cập nhật yêu cầu nghề nghiệp. Cách tiếp cận này giúp hình thành chuỗi liên kết từ đào tạo đến sử dụng lao động, hạn chế tình trạng SV có bằng cấp nhưng thiếu kỹ năng thực tế. Đặc biệt, trong bối cảnh AI làm thay đổi nhanh chóng yêu cầu công việc, sự phối hợp giữa nhà trường và doanh nghiệp càng quan trọng. World Economic Forum dự báo các kỹ năng công nghệ sẽ tăng mạnh nhưng đồng thời các kỹ năng con người như tư duy phân tích, khả năng thích ứng, khả năng lãnh đạo và hợp tác vẫn giữ vai trò quan trọng.

2.3.6. Có chính sách hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa phát triển nguồn lực kế toán số

Các doanh nghiệp lớn có khả năng đầu tư ERP, AI, dữ liệu và đào tạo nhân viên, trong khi doanh nghiệp nhỏ thường bị giới hạn bởi nguồn vốn và nhân lực. Nếu quá trình chuyển đổi số chỉ diễn ra mạnh ở nhóm doanh nghiệp lớn, khoảng cách về năng lực kế toán số giữa các doanh nghiệp sẽ ngày càng gia tăng. Chính sách hỗ trợ có thể tập trung vào đào tạo kỹ năng số, tư vấn lựa chọn phần mềm, hỗ trợ kết nối dữ liệu và nâng cao nhận thức về an toàn thông tin. Bên cạnh đó, cần khuyến khích các mô hình sử dụng phần mềm kế toán và nền tảng đám mây với chi phí phù hợp, giúp doanh nghiệp nhỏ tiếp cận công nghệ mà không phải đầu tư hạ tầng lớn. Việc hỗ trợ cần chuyển từ cách tiếp cận “hỗ trợ mua công nghệ” sang “hỗ trợ nâng cao năng lực sử dụng công nghệ”, bởi con người mới là yếu tố quyết định hiệu quả của quá trình chuyển đổi. Nhìn rộng hơn, đây cũng là yêu cầu phù hợp với định hướng phát triển kinh tế số của Việt Nam. Bộ Khoa học và Công nghệ cho biết kinh tế số Việt Nam năm 2024 tiếp tục tăng trưởng trên 20% và Việt Nam đang từng bước nâng cao vị trí về tỷ trọng kinh tế số trong GDP. Khi quy mô kinh tế số tiếp tục mở rộng, nhu cầu về nguồn nhân lực có khả năng xử lý và quản trị dữ liệu tài chính cũng sẽ tăng tương ứng. Vì vậy, đầu tư cho nguồn lực kế toán số cần được xem là một bộ phận của chiến lược phát triển nguồn nhân lực cho nền kinh tế số chứ không chỉ là vấn đề riêng của ngành Kế toán.

3. Kết luận

Chuyển đổi số đang tạo ra những thay đổi sâu rộng đối với hoạt động kế toán, từ phương thức thu thập, xử lý và lưu trữ dữ liệu đến cách thức cung cấp thông tin phục vụ quản trị và ra quyết định. Sự phát triển của AI, dữ liệu lớn, điện toán đám mây, Blockchain và tự động hóa không chỉ góp phần nâng cao hiệu quả xử lý nghiệp vụ kế toán mà còn làm thay đổi yêu cầu đối với nguồn nhân lực kế toán. Trong nền kinh tế số, kế toán viên không thể chỉ thực hiện chức năng ghi nhận và tổng hợp số liệu mà cần từng bước chuyển sang vai trò phân tích thông tin, dự báo, kiểm soát rủi ro và hỗ trợ nhà quản trị. Đối với Việt Nam, xây dựng nguồn lực kế toán đáp ứng yêu cầu của nền kinh tế số cần được thực hiện đồng bộ và lâu dài. Trọng tâm là đổi mới chương trình và phương pháp đào tạo theo hướng kết hợp kiến thức chuyên môn kế toán với công nghệ số, phân tích dữ liệu và quản trị; tăng cường đào tạo lại, đào tạo nâng cao đối với đội ngũ kế toán đang hành nghề; đồng thời đẩy mạnh liên kết giữa cơ sở đào tạo, doanh nghiệp và các tổ chức nghề nghiệp. Hơn nữa, cần xây dựng khung năng lực kế toán số, nâng cao đạo đức nghề nghiệp và năng lực bảo mật thông tin cũng như hoàn thiện hành lang pháp lý để hỗ trợ quá trình số hóa hoạt động kế toán. Do đó, phát triển nguồn lực kế toán theo hướng chuyên môn vững - năng lực số cao - tư duy phân tích tốt - đạo đức nghề nghiệp chuẩn mực sẽ là nền tảng quan trọng để Việt Nam xây dựng hệ thống kế toán hiện đại, minh bạch và đáp ứng yêu cầu phát triển nền kinh tế số trong giai đoạn hiện nay.

Tài liệu tham khảo

- Chính phủ (2025). *Nghị định số 70/2025/NĐ-CP ngày 20/3/2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 123/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định về hóa đơn, chứng từ*.
- Nguyễn Minh Tùng (2025). *Big Data trong ngành Tài chính: Kỳ nguyên dữ liệu - Cơ hội và thách thức*. <https://mof.gov.vn/cong-nghe-thong-tin-va-chuyen-doi-so/ung-dung-cntt/big-data-trong-nganh-tai-chinh-ky-nguyen-du-lieu-co-hoi-va-thach-thuc>, ngày 24/11/2025.
- Tổng cục Thuế, Bộ Tài chính (2024). *Hóa đơn điện tử - Minh chứng cho hoạt động sản xuất kinh doanh lành mạnh của người nộp thuế*. <https://www.gdt.gov.vn/>, ngày 15/8/2024.
- Vụ Pháp chế, Bộ Khoa học và Công nghệ (2026). *Một số chỉ tiêu phát triển kinh tế số đến năm 2025*. <https://cspl.mic.gov.vn/Pages/TinTuc/138828/Mot-so-chi-tieu-phat-trien-kinh-te-so-den-nam-2025.html>, ngày 29/9/2023.
- World Economic Forum (2025a). *Future of Jobs Report 2025 - Workforce Strategies*.
- World Economic Forum (2025b). *The Future of Jobs Report 2025 - Skills Outlook*.
- World Economic Forum (2025c). *The Future of Jobs Report 2025*, Geneva.